

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ TUY HÒA  
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 63/2020/ HSST

Ngày 22/9/2020

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUY HÒA - TỈNH PHÚ YÊN**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đặng Thị Ngọc Uyên

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Khoa Việt – Cán bộ hưu trí.
2. Bà Huỳnh Thị Minh Tuyết – Cán bộ hưu trí

*Thư ký phiên tòa:* Bà Bùi Thị Thùy Trân – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa tham gia phiên tòa:*  
Ông Lê Hồng Khoáng – Kiểm sát viên.

Ngày 22/9/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 63/2020/TLST-HS ngày 01 tháng 9 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 66/2020/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 9 năm 2020, đối với các bị cáo:

1. **Nguyễn Thành T**, sinh năm 1980; ĐKKHKT và chỗ ở: đường L, Phường M, Tp. T, tỉnh Phú Yên. Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 01/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Thành T (Chết), mẹ Hoàng Thị B, sinh năm 1962. Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con đầu. Vợ Phan Thị Thanh T, sinh năm 1977 (đã ly hôn). Có 02 con, con lớn sinh năm 2000, con thứ hai sinh năm 2009.

Tiền án: Ngày 31/5/2017 bị TAND huyện H, tỉnh Bình Thuận tuyên phạt 06 tháng tù về tội trộm cắp tài sản quy định tại khoản 1 Điều 138 BLHS. Ngày 11/01/2019 bị TAND thành phố Tuy Hòa tuyên phạt 01 năm 6 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy theo quy định tại khoản 1 Điều 249 BLHS, chấp hành xong ngày 16/01/2020.

Nhân thân: Ngày 12/01/2015 bị Công an thành phố Tuy Hòa xử phạt 750.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy.

Ngày 21/8/2020, bị Công an thành phố Tuy Hòa xử phạt 750.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/6/2020 tại Nhà tạm giữ Công an Tp. Tuy Hòa. Có mặt tại phiên tòa.

2. **Đoàn Xuân H**, tên gọi khác: Đ. Sinh năm 1983 tại tỉnh Phú Yên. Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở: đường N, Phường B, Tp. T, tỉnh Phú Yên. Nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 11/12. Quốc tịch Việt Nam, dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không. Cha Đoàn Xuân T, sinh năm 1957, mẹ là bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1964. Gia đình có 03 anh em, bị cáo là con đầu. Vợ Trần Thị Thanh T, sinh năm 1990. Có 01 con, sinh năm 2011.

Tiền án: Ngày 06/3/2019 bị TAND thành phố T, tỉnh Phú Yên tuyên phạt 01 năm 3 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 BLHS.

Nhân thân: Ngày 18/12/2018 bị Công an thành phố Tuy Hòa xử phạt 750.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Ngày 21/8/2020, bị Công an thành phố Tuy Hòa xử phạt 750.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/6/2020 tại Nhà tạm giữ Công an Tp. Tuy Hòa. Có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại*: Lê Thị Hồng N, sinh năm 1990; Địa chỉ: đường L, Phường T, Tp. T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Trần Thị Thanh T, sinh năm 1990; Địa chỉ: đường N, Phường B, Tp. T, tỉnh Phú Yên. Có mặt tại phiên tòa.

- *Người tham gia tố tụng khác*:

Người làm chứng:

1. NLC1, sinh năm 1970; Địa chỉ: Khu phố L, Phường T, Tp. T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

2. NLC2, sinh năm 1974; Địa chỉ: Khu phố L, Phường T, Tp. T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

3. NLC3, sinh năm 1981; Địa chỉ: đường L, Phường T, Tp. T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

4. NLC4, sinh năm 1999; Địa chỉ: đường L, Phường T, Tp. T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

5. NLC5, sinh năm 2001; Địa chỉ: đường L, Phường T, Tp. T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13 giờ 00 phút, ngày 09/6/2020, Đoàn Xuân H điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision, biển số 78C1-411.NN đến nhà Nguyễn Thành T, rủ T đi xem ai có sơ hở để trộm cắp tài sản, T đồng ý. H điều khiển xe mô tô trên chở T đi trên các tuyến đường của thành phố Tuy Hòa. Khi đến trước nhà của chị Lê Thị Hồng N tại địa chỉ đường L, phường T, Tp. T, tỉnh Phú Yên thì thấy cửa khép hờ, cửa sổ mở và bên trong không có ai nên H dừng xe lại. H điều khiển xe ra phía ngoài cách nhà chị N khoảng 50m về phía Bắc để T cảnh giới còn H đi bộ về phía nhà chị N, mở cửa vào nhà chị N lục tìm tài sản thì thấy chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 6 để trên bàn và trong hộc tủ có 01 túi xách đựng tiền. H lấy 4.700.000 đồng trong túi xách và điện thoại Iphone 6. Sau khi lấy tài sản, H từ trong nhà chị N đi ra thì gặp các anh NLC1, NLC5 và NLC4 cùng trú tại đường L, phường T, Tp. T, tỉnh Phú Yên nghi ngờ đến hỏi nên Đoàn Xuân H bỏ chạy đến xe mô tô nơi T đứng cảnh giới, ném bỏ lại 01 ống sắt có gắn mũi đục và 01 găng tay vải rồi điều khiển xe chở T tẩu thoát.

Kết luận định giá tài sản ngày 18/6/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Tuy Hòa kết luận: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6, loại 16GB, màu bạc, trị giá là 1.550.000 đồng.

Tại các bút lục số 89-110; 45-165; 166-171; 189-200.

\*Vật chứng của vụ án:

- Tạm giữ và đã trả lại cho chủ sở hữu: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6, loại 16GB, màu bạc và số tiền 4.700.000 đồng.

- Tạm giữ chờ xử lý: 01 xe mô tô biển kiểm soát 78C1-411.NN; 01 ống sắt bên trong có 01 mũi đục; 01 găng tay vải màu đen; 01 khẩu trang y tế, màu xanh; 01 mũ dìm vải màu đen.

\*Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Lê Thị Hồng N đã nhận lại các tài sản bị mất, không yêu cầu gì thêm.

Tại bản Cáo trạng số: 58/CT-VKS ngày 28/8/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa truy tố bị cáo Nguyễn Thành T về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại điểm g, khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015; bị cáo Đoàn Xuân H về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015.

\* Tại phiên tòa:

- Kiểm sát viên luận tội đối với các bị cáo, giữ nguyên quyết định truy tố như bản cáo trạng và đề nghị căn cứ điểm g, khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS 2015 đối với bị cáo T; khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h, khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 đối với bị cáo H.

Đề nghị áp dụng mức hình phạt đối với bị cáo T từ 02 năm 6 tháng tù đến 03 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 11/6/2020. Bị cáo H từ 18 tháng đến 24 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 11/6/2020.

Về trách nhiệm dân sự: bị hại đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt, không yêu cầu bồi thường gì thêm nên đề nghị HĐXX xem xét theo quy định pháp luật.

Vật chứng của vụ án đề nghị căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự tịch thu tiêu hủy 01 ống sắt bên trong có 01 mũi đục; 01 găng tay vải màu đen; 01 khẩu trang y tế, màu xanh; 01 mũ trùm vải màu đen vì không có giá trị sử dụng. Đối với 01 xe mô tô biển kiểm soát 78C1-411.NN, là phương tiện bị cáo H sử dụng để trộm cắp tài sản nhưng chủ sở hữu Trần Thị Thanh T không biết nên đề nghị trả lại cho chủ sở hữu; Đĩa DVD: tạm giữ theo hồ sơ vụ án.

Về án phí: Các bị cáo chịu án phí theo quy định pháp luật.

- Các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như cáo trạng đã truy tố. Mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Thị Thanh T: Xe mô tô biển kiểm soát 78C1-411.NN là do chị T đứng tên chủ sở hữu, bị cáo H tự ý lấy xe đi trộm cắp tài sản chị không biết nên đề nghị HĐXX xem xét trả lại xe cho chị.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Trong quá trình điều tra, truy tố, Cơ quan điều tra Công an thành phố Tuy Hòa, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa, Kiểm sát viên đã thực hiện các hành vi, quyết định tố tụng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục được quy định trong Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo không khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị hại, những người làm chứng đến tham gia phiên tòa hôm nay, nhưng vắng mặt. Bị hại, người làm chứng đã có lời

khai tại cơ quan điều tra; bị hại đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu bồi thường gì thêm. Do đó, HĐXX căn cứ vào Điều 292, 293 Bộ luật Tố tụng hình sự, HĐXX tiếp tục giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

[3] Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng về thời gian, địa điểm phạm tội, phương tiện sử dụng để phạm tội, phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường, các vật chứng thu giữ được. Đủ căn cứ xác định: Khoảng 13 giờ 30 phút, ngày 09/6/2020, lợi dụng sơ hở nhà của bị hại Lê Thị Hồng N, không có người ở nhà, các bị cáo Nguyễn Thành T và Đoàn Xuân H đã bàn bạc, thống nhất để T ở ngoài cảnh giới còn Đoàn Xuân H lén lút vào nhà của bị hại N trộm tài sản là chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 6 loại 16GB, màu bạc và số tiền 4.700.000 đồng.

[4] Căn cứ kết luận định giá tài sản số 09/KL-HĐ ngày 18/6/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự xác định 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6, loại 16GB, màu bạc, trị giá là 1.550.000 đồng. Theo lời khai của bị hại N tại cơ quan điều tra thì số tiền bị mất trộm là 9.200.000 đồng gồm tiền để dành đóng bảo hiểm cho con và tiền để chi tiêu sinh hoạt hàng ngày. Tuy nhiên, bị hại N không có chứng cứ cung cấp và không có ai khác ngoài bị hại N biết đến số tiền nêu trên. Tại phiên tòa, bị cáo H khai nhận lấy số tiền 4.700.000 đồng và 01 điện thoại Iphone 6, bị cáo H đã giao nộp lại cho cơ quan điều tra, chị N đã nhận lại các tài sản trên, không có khiếu nại gì. Do đó, đủ căn cứ xác định tổng giá trị tài sản của bị hại N bị các bị cáo chiếm đoạt là 6.250.000 đồng.

[5] Như vậy, hành vi của các bị cáo Nguyễn Thành T, Đoàn Xuân H đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*” quy định tại Điều 173 BLHS năm 2015. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa truy tố các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[6] Đối với bị cáo T: Ngày 31/5/2017 bị TAND huyện H, tỉnh Bình Thuận tuyên phạt 06 tháng tù về tội trộm cắp tài sản quy định tại khoản 1 Điều 138 BLHS. Ngày 11/01/2019 bị TAND thành phố T tuyên phạt 01 năm 6 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy theo quy định tại khoản 1 Điều 249 BLHS, chấp hành xong ngày 16/01/2020. Đến ngày 09/6/2020 khi thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, bị cáo chưa được xóa án tích. Theo quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 53 Bộ luật hình sự thì hành vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm. Do đó, VKSND thành phố Tuy Hòa truy tố bị cáo T về tội trộm cắp tài sản theo quy định tại điểm g, khoản 2 Điều 173 BLHS là có căn cứ.

[7] Các bị cáo dùng thủ đoạn lén lút, lợi dụng sơ hở của chủ tài sản để thực hiện hành vi trộm cắp. Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân, xâm phạm trật tự công cộng, gây tâm lý hoang mang, lo lắng trong nhân dân. Các bị cáo đều đã bị kết án, chấp hành án về tội trộm cắp tài sản nhưng các bị cáo không lấy đó làm bài học cảnh tỉnh, tu chí làm ăn lương thiện mà vẫn tiếp tục phạm tội. Do đó, cần phải xử lý nghiêm, cần thiết cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để đảm bảo giáo dục riêng cho các bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội, góp phần giữ vững trị an tại địa phương.

[8] Các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Ngày 06/3/2019, bị cáo H bị TAND thành phố T, tỉnh Phú Yên tuyên phạt 01 năm 3 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173BLHS. Bị cáo mới chấp hành xong hình phạt, ngày 09/6/2020, bị cáo thực hiện hành vi trộm cắp nên thuộc trường hợp tái phạm quy định tại điểm h, khoản 1 Điều 52 BLHS.

Bị cáo T không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[9] Các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Do đó, xét các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS năm 2015. Riêng bị cáo H đã nộp số tiền 400.000 đồng bồi thường thiệt hại, được Công an tỉnh Phú Yên khen tặng trong phong trào đấu tranh phòng chống tội phạm, bị cáo đã thực hiện nghĩa vụ quân sự tại Đồn biên phòng NNN thuộc Bộ chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh Phú Yên trong thời gian từ năm 2004- 2006. Do đó, xét bị cáo H được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51 BLHS năm 2015.

[10] Về nhân thân: Các bị cáo đều có nhân thân xấu. Đối với bị cáo T: Ngày 12/01/2015 bị Công an thành phố Tuy Hòa xử phạt 750.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Ngày 21/8/2020, bị Công an thành phố Tuy Hòa xử phạt 750.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Đối với bị cáo H cũng có nhân thân xấu: Ngày 18/12/2018 bị Công an thành phố Tuy Hòa xử phạt 750.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Ngày 21/8/2020, bị Công an thành phố Tuy Hòa xử phạt 750.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy.

[11] Trong vụ án này bị cáo H là người khởi xướng, chủ động rủ bị cáo T đi trộm cắp và T đồng ý. H là người trực tiếp chuẩn bị công cụ, phương tiện phạm tội, chạy xe đến nhà bị cáo T, chở bị cáo T đi đến địa điểm thực hiện hành vi trộm cắp, trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của bị hại N. Đối với bị cáo T, nhận lời rủ đi trộm của bị cáo H, đứng ngoài cảnh giới nên

có vai trò thứ yếu trong vụ án. Do đó, cần cân nhắc khi lượng hình để đảm bảo phân hóa trách nhiệm hình sự của mỗi bị cáo.

[12] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Lê Thị Hồng N vắng mặt, không yêu cầu bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không xét.

[13] Về hình phạt bổ sung: Do các bị cáo H, T không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[14] Về vật chứng vụ án gồm có: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6, loại 16GB, màu bạc và số tiền 4.700.000 đồng. Số tài sản này bị hại N đã nhận lại nên HĐXX không xét.

Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Vision, màu trắng, biển kiểm soát 78C1-411.NN; số máy JF66E0165942; số khung: RLHJF5816GY165916; chủ sở hữu Trần Thị Thanh T. Chị T là vợ của bị cáo H, không biết bị cáo Đoàn Xuân H sử dụng xe để đi trộm cắp nên cần trả lại xe mô tô có đặc điểm nêu trên cho chị T.

Tịch thu tiêu hủy các vật chứng liên quan đến tội phạm và không có giá trị sử dụng gồm 01 ống sắt bên trong có 01 mũi đục; 01 găng tay vải màu đen; 01 khẩu trang y tế, màu xanh; 01 mũ trùm vải màu đen.

Tạm giữ theo hồ sơ: 01 đĩa DVD ghi lại hình ảnh sự việc.

[15] Xét đề nghị của vị đại diện VKSND Tp. Tuy Hòa thực hiện quyền công tố tại phiên tòa là có căn cứ nên chấp nhận.

[16] Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật. Các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Thành T, Đoàn Xuân H phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Áp dụng điểm g, khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1, Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt: Nguyễn Thành T 02 (Hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam ngày 11/6/2020.

Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h, khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt: Đoàn Xuân H 01 (Một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam ngày 11/6/2020.

2. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự,

- Tịch thu tiêu hủy 01 ống sắt bên trong có 01 mũi đục; 01 găng tay vải màu đen; 01 khẩu trang y tế, màu xanh; 01 mũ trùm vải màu đen. *(Theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 28/8/2020 giữa cơ quan cảnh sát điều tra công an thành phố Tuy Hòa và Chi cục THA dân sự thành phố Tuy Hòa).*

- Trả lại cho chị Trần Thị Thanh T 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Vision, màu trắng, biển kiểm soát 78C1-411.NN; số máy JF66E0165942; số khung: RLHJF5816GY165916; (xe không kiểm tra tình trạng xe).

- Tạm giữ theo hồ sơ: 01 đĩa DVD ghi lại hình ảnh sự việc.

4. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14, buộc các bị cáo Nguyễn Thành T, Đoàn Xuân H mỗi người phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND tỉnh Phú Yên;
- VKSND Tp. Tuy Hòa;
- CQCSĐT Tp. Tuy Hòa;
- CQ THAHS Tp. Tuy Hòa;
- Chi cục THADS Tp. Tuy Hòa;
- Những người tham gia tố tụng;
- Sở Tư pháp tỉnh Phú Yên.
- Lưu AV, HSVA;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đặng Thị Ngọc Uyên**